

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 145/2018/HS-ST
Ngày 07-8-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Xuân Hiền**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Mạnh Tuấn** và ông **Nguyễn Văn Quyết**.

Thư ký Tòa án: Bà **Mai Hương Sen** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Minh Đức** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 97/2018/TLST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/QĐST-HS ngày 29/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32A/QĐST-HS ngày 27/7/2018 đối với các bị cáo:

1. **Lê Thị Minh Y**, sinh năm 1971 tại Hải Dương. Nơi cư trú: Số 13/3 YNT, phường SĐ, thị xã CL, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (*học vấn*): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thế K và bà Nguyễn Thị Ch (*đều đã chết*); bị cáo chưa có chồng con, gia đình có 4 chị em bị cáo là con thứ tư trong gia đình; tiền án, tiền sự: Không; bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 625 ngày 11/4/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Hải Dương (*bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

2. **Dương Như T**, sinh năm 1988 tại Thái Nguyên. Nơi cư trú: Xóm TL, xã TĐ, huyện PhB, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (*học vấn*): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Như Th và bà Dương Thị L2; bị cáo chưa có vợ con, gia đình có 4 anh em bị cáo là con thứ hai; tiền án, tiền sự: Không; bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 626 ngày 11/4/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Hải Dương (*bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

+ Anh Trần Thế L, sinh năm 1995; hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Kim Chi-Công an Hải Dương (*do thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản*)-(vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số nhà 23 VVD, phường QTr, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại bản cáo trạng số 110/VKS-HS ngày 25/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo Lê Thị Minh Y và Dương Như T về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại Khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự với căn cứ:

Lê Thị Minh Y được chị gái là Lê Thị Phương M ở 12A BK – P. THĐ – TP Hải Dương cho mượn trang thiết bị để mở cửa hiệu chụp ảnh tại số 8 đại lộ HCM, thành phố Hải Dương. Y thuê Dương Như T làm nhân viên kỹ thuật cho cửa hàng. Khoảng 09h ngày 03/01/2018, đối tượng Trần Thế L, sinh năm 1995 và Nguyễn Bá M, sinh năm 1994 đều ở xã QT, huyện NS, tỉnh Hải Dương đến cửa hàng của Y để chụp ảnh chân dung cho L và đề nghị có ghép trang phục ngành công an. Y đồng ý nên bảo T chụp và ghép ảnh cho L. Sau khi ghép ảnh xong, M đưa cho Y 01 chiếc thẻ ngành Công an giả và thuê Y làm một thẻ ngành công an giả khác có ảnh L mặc trang phục công an mà T vừa ghép xong, đồng thời ghi thông tin trên thẻ công an giả theo nội dung M cung cấp, Y đồng ý và tiếp tục bảo T làm. T scan mẫu thẻ công an giả do M đưa có sẵn nội dung chữ ký của Giám đốc Công an tỉnh Hải Dương - Đại tá Bùi Ngọc Phi và hình dấu màu đỏ, sau đó sử dụng máy vi tính chỉnh sửa, nhập thông tin vào giấy chứng minh Công an nhân dân giả ghi số hiệu 191 -364, mang tên Nguyễn Hoàng X, sinh ngày 18/03/1993; Cấp bậc: Cấp úy; Chức vụ: Sĩ quan nghiệp vụ; Đơn vị: Phòng PC67 - Hải Dương, ghép ảnh chân dung của L, đề ngày 08/4/2014. Sau khi làm xong T đưa cho Y ép Plastic, rồi đưa thẻ cho M, M đã trả cho Y số tiền công là 30.000 đồng. Sau khi có được giấy chứng minh Công an nhân dân giả, M và L đến phòng 309 nhà nghỉ S ở số 1 HCh, phường HT, thành phố Hải Dương gặp chị Nguyễn Thị H, ở 23 VVD, phường QTr, thành phố Hải Dương và sử dụng giấy chứng minh công an nhân dân giả mang tên Nguyễn Hoàng X để chị H tin tưởng cho L vay số tiền 50.000.000 đồng sau khi vay được tiền L không trả tiền nên chị H đã trình báo cơ quan công an và giao nộp giấy chứng minh thư công an nhân dân giả mang tên Nguyễn Hoàng X. Ngày 21/3/2018 L đã đến Cơ quan công an đầu thú, cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Hải Dương đã khởi tố L về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đối với hành vi làm giả tài liệu của Lê Thị Minh Y và Dương Như T được tiến hành điều tra làm rõ.

Tại kết luận giám định số 12/KLGD ngày 06/4/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương kết luận: 01 giấy chứng minh Công an nhân dân, số 191-364, mang tên Nguyễn Hoàng X, sinh ngày 18/03/1993; đơn vị: Phòng PC67 - Hải Dương, đề ngày 08/4/2014 (ký hiệu A2) là giấy tờ giả. Giả toàn bộ phần phôi, hình dấu, chữ ký.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Thị Minh Y và Dương Như T đều xác định bản thân nhận thức được giấy chứng minh công an nhân dân là tài liệu có thật, do cơ quan Công an có thẩm quyền phát hành để cấp cho cá nhân làm việc trong lực lượng công an sử dụng khi thực thi nhiệm vụ. Nếu không phải do cơ quan Công an có thẩm quyền phát hành thì đều là giả và không có giá trị sử dụng. Tuy nhiên, sau khi đối tượng L và M đặt vấn đề làm một chứng minh thư công an giả và đưa mẫu, với tư cách là chủ cửa hàng Y đã đồng ý làm và giao cho nhân viên kỹ thuật làm, với tư cách là nhân viên kỹ thuật T cũng đồng ý và sử dụng kỹ thuật để làm giấy chứng minh thư công an nhân dân giả theo yêu cầu của L và M. Các bị cáo nhất trí với kết luận định giám định không có thắc mắc gì; đồng thời thể hiện thái độ ăn năn hối cải; xác định Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương đã truy tố các bị cáo về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại Khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự là đúng; các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vì tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, không hiểu hết tính chất nghiêm trọng của việc làm giả tài liệu để cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa trình bày quan điểm vẫn giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Thị Minh Y và Dương Như T đều phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Về hình phạt chính: Áp dụng Khoản 1 và Khoản 4 Điều 341; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với cả hai bị cáo; áp dụng thêm Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự riêng với bị cáo Lê Thị Minh Y.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Minh Y từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Dương Như T từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Lê Thị Minh Y và Dương Như T tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường SĐ, thị xã CL, tỉnh Hải Dương và Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện PhB, tỉnh Thái Nguyên được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ 05% đến 10% thu nhập hàng tháng của các bị cáo Lê Thị Minh Y và Dương Như T để sung quỹ Nhà nước trong thời gian các bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Lê Thị Minh Y cho Ủy ban nhân dân phường SĐ, thị xã CL, tỉnh Hải Dương, giao bị cáo Dương Như T cho Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện PhB, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Y có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường SĐ, gia đình bị cáo T có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã TĐ trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền các bị cáo Lê Thị Minh Y và Dương Như T mỗi bị cáo 05 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự điểm b Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu nộp ngân sách Nhà

nước số tiền 30.000đ của bị cáo Lê Thị Minh Y là tiền do phạm tội mà có (*chưa thu*).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Lê Thị Minh Y và Dương Như T phải chịu án phí sơ thẩm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ xác định các bị cáo Lê Thị Minh Y và Dương Như T có tội và áp dụng pháp luật:

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị Minh Y thừa nhận vào khoảng 09 giờ ngày 03/01/2018 tại hiệu ảnh của mình tại số 8 đại lộ HCM, thành phố Hải Dương. Sau khi đối tượng tên L và M đặt vấn đề chụp ảnh của L và ghép trang phục công an cho L đồng thời đưa mẫu để làm chứng minh công an nhân dân giả có hình ảnh của L với nội dung thông tin trên giấy chứng minh do M cung cấp. Y đã đồng ý và giao cho Dương Như T là nhân viên kỹ thuật làm với mục đích để Y thu 30.000đ tiền công. Bị cáo Dương Như T thừa nhận nội dung giao dịch của Y với L và M có biết, biết việc chụp ảnh cho L ghép trang phục công an và làm giấy chứng minh công an nhân dân theo mẫu M đưa là giả nhưng sau khi Y bảo làm, T đã đồng ý và thực hiện thao tác kỹ thuật làm giấy chứng minh thư công an giả cho L theo mẫu và nội dung do M cung cấp. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu giữ, phù hợp với biên bản nhận dạng và biên bản thực nghiệm điều tra, kết luận giám định. Các chứng cứ nêu trên phù hợp với các chứng cứ khác như: Bản tự khai của các bị cáo, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung các bị cáo, biên bản lấy lời khai người làm chứng đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Từ những chứng cứ nêu trên, có đủ cơ sở để kết luận: Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; đã cùng nhau thực hiện hành vi làm ra giấy chứng minh công an nhân dân giả giống với giấy chứng minh công an nhân dân thật do Công an tỉnh Hải Dương phát hành, đã trực tiếp xâm phạm sự hoạt động bình thường của Công an tỉnh Hải Dương trong việc quản lý hành chính Nhà nước cũng như quản lý sử dụng hợp pháp về giấy chứng minh công an nhân dân. Với hành vi nêu trên các bị cáo Lê Thị Minh Y và Dương Như T bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố và bị đưa ra xét xử về tội danh “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại Khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự là đủ căn cứ, đúng người thực hiện hành vi phạm tội và đúng pháp luật.

Về tính chất đồng phạm: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mang tính chất bột phát; bị cáo Lê Thị Minh Y là người trực tiếp giao dịch với đối tượng L và M, đồng ý làm chứng minh công an nhân dân giả, trực tiếp giao cho T làm và thu tiền công nên giữ vai trò chính

trong vụ án. Đối với bị cáo Dương Như T biết rõ nội dung làm chứng minh công an nhân dân giả nhưng cũng đồng ý và là người thực hành tích cực, trực tiếp sử dụng kỹ thuật để thực hiện việc làm chứng minh công an nhân dân theo dữ liệu do L và M cung cấp nhưng thực hiện theo sự chỉ đạo của Y do vậy T giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, mặt khác các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, thực hiện hành vi phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Lê Thị Minh Y có bố để được Nhà nước tặng thưởng Huân huy chương nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Xét thấy các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng; bị cáo Y giữ vai trò chính trong vụ án nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn bị cáo T do vậy cần tuyên mức án đối với hai bị cáo ngang nhau và xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt cách ly xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng giáo dục đối với các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có thu nhập ổn định và không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về biện pháp tư pháp:

- Số tiền 30.000đ là tiền công đối tượng L và M trả cho bị cáo Y. Xét thấy, đây là tiền do bị cáo Y phạm tội mà có nên cần tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền này.

- Đối với giấy chứng minh công an nhân dân giả mang tên Nguyễn Hoàng X được xác định là tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên tiếp tục cho quản lý tại hồ sơ.

- Đối với 01 máy in DaiNippon Printing (DPN)-DSRx1 màu xám, model: JR10-M01; 01 cây CPU nhãn hiệu Orient màu đen; 01 máy Scan nhãn hiệu Canon màu đen-xám, máy gấp, trên máy ghi Canoscan 5600F; 01 máy ảnh loại cơ, nhãn hiệu Canon DS126171 có một quai đeo màu đen được xác định là tài sản của chị Lê Thị Phương M, chị M cho Y mượn nhưng không biết Y sử dụng vào việc phạm tội, ngày 18/4/2018 cơ quan điều tra đã Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị M là phù hợp nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Các bị cáo có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về các vấn đề khác:

Tại cáo trạng số 110/VKS-HS ngày 25/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương có ghi nội dung truy tố các bị cáo Lê Thị Minh Y và Dương Như T về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại Khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự. Trong vụ án này các bị cáo chỉ làm giả “tài liệu” nên chỉ định tội danh đối với các bị cáo về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” chứ không định tội danh đầy đủ như điều luật quy định. Tuy nhiên, tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã phát biểu ý kiến thay đổi tên tội danh đã truy tố là phù hợp.

Đối với hành vi cho Lê Thị Minh Y mượn 01 máy in, 01 cây CPU, 01 máy Scan, 01 máy ảnh của chị Lê Thị Phương M (chị gái bị cáo Y). Tuy nhiên, chị M không biết việc Y sử dụng các tài sản này vào việc phạm tội, cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm của chị M là phù hợp.

Đối với hành vi thuê làm giả, sử dụng chứng minh công an nhân dân giả của đối tượng Trần Thế L và Nguyễn Bá M để L mang đặt làm tin vay số tiền 50 triệu đồng của chị Nguyễn Thị H. Hiện tại Trần Thế L đã bị khởi tố để tiến hành điều tra về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, đối tượng M đang tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý. Do vậy không xem xét trách nhiệm của L và M trong vụ án này là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 341; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự; điểm b Khoản 2 Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với cả hai bị cáo. Áp dụng thêm điểm b Khoản 1 Điều 47; Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự riêng đối với bị cáo Lê Thị Minh Y.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Thị Minh Y và Dương Như T đều phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Lê Thị Minh Y **12 (mười hai)** tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường SĐ, thị xã CL, tỉnh Hải Dương được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ 05% thu nhập hàng tháng của bị cáo Lê Thị Minh Y để sung quỹ Nhà nước trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Lê Thị Minh Y cho Ủy ban nhân dân phường SĐ, thị xã CL, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường SĐ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Dương Như T **12 (mười hai)** tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện PhB, tỉnh Thái Nguyên được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ 05% thu nhập hàng tháng của bị cáo Dương Như T để sung quỹ Nhà nước trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Dương Như T cho Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện PhB, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã TĐ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

3. Về biện pháp tư pháp:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 30.000đ (*ba mươi nghìn đồng*) của bị cáo Lê Thị Minh Y do phạm tội mà có (*chưa thu*).

- Tiếp tục quản lý tại hồ sơ một giấy chứng minh thư công an nhân dân giả mang tên Nguyễn Hoàng X.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Lê Thị Minh Y và Dương Như T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Lê Thị Minh Y và Dương Như T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP Hải Dương;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT công an TP Hải Dương;
- Cơ quan THAHS công an TP Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Xuân Hiền